

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ

Số: 126 /GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 16 tháng 12 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị thành phố Huế tại Văn bản số 2021/BĐTPT-DADD ngày 15 tháng 9 năm 2025 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường; Văn bản số 2467/BĐTPT-DADD ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa trong Báo cáo đề xuất cấp phép môi trường của dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 7649/TTr-SNNMT ngày 10 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị thành phố Huế, địa chỉ tại số 07, đường Diêm Phùng Thị, phường Vĩ Dạ, thành phố Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Đầu

tư xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án

1.1. Tên Dự án: Đầu tư xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế).

1.2. Địa điểm hoạt động: khu đất có ký hiệu YT 05 thuộc phường Hương An, thành phố Huế.

1.3. Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị.

1.4. Mã số thuế: 3301715215.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh: Dự án thực hiện hoạt động phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm; bệnh không lây nhiễm; quản lý sức khỏe cộng đồng và kiểm soát bệnh tật trên địa bàn thành phố Huế.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Quy mô diện tích: diện tích sử dụng đất của Dự án là 17.692 m².

- Quy mô đầu tư xây dựng:

- Giai đoạn 1:

+ Đầu tư xây dựng mới khối nhà hành chính và các khối nhà chuyên môn, hạng mục phụ trợ phục vụ hoạt động chuyên môn (nhà kho chuyên dụng, nhà chống nhiễm khuẩn) với tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 6.763 m².

+ Xây dựng các hạng mục phụ trợ: nhà thường trực bảo vệ, sân đường nội bộ, bồn hoa, cây xanh và hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải, phòng cháy chữa cháy (PCCC) theo tiêu chuẩn.

+ Mua sắm, lắp đặt các thiết bị gắn với công trình, thiết bị xử lý nước thải, thiết bị PCCC và các thiết bị làm việc văn phòng theo tiêu chuẩn.

- Giai đoạn 2:

+ Xây dựng mới khu khám bệnh đa khoa, khối labo xét nghiệm và nghiên cứu vắc-xin theo tiêu chuẩn với tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 6.143 m².

+ Xây dựng các hạng mục phụ trợ phục vụ công trình còn lại theo quy hoạch mặt bằng tổng thể gồm: cổng, hàng rào bao quanh khu đất, cầu nối, sân đường nội bộ, bồn hoa, nhà thường trực bảo vệ, cây xanh và hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải, khí thải, PCCC theo tiêu chuẩn.

+ Mua sắm, lắp đặt các thiết bị gắn với công trình cho giai đoạn 2, thiết bị PCCC, mua sắm mới thiết bị y tế chuyên ngành, thiết bị làm việc văn phòng theo tiêu chuẩn.

* Phạm vi Dự án đề xuất cấp Giấy phép môi trường: Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị thành phố Huế đề xuất cấp phép đối với các hạng mục công trình có phát sinh chất thải quy định tại khoản 3 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, phạm vi trong Giấy phép môi trường này cấp phép cho Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị thành phố Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với các hạng mục đảm bảo hoạt động giai đoạn 1 của Dự án.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường theo các phương án giảm phát sinh bụi, khí thải trong quá trình hoạt động quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị thành phố Huế có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép là 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung báo cáo, tính pháp lý, tính chính xác, đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND thành phố Huế theo đúng các quy định hiện hành.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị;
- UBND phường Hương An;
- Cổng Thông tin điện tử UBND thành phố;
- Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Hỗ trợ doanh nghiệp;
- VP: LĐ và các CV: TH, XD, DN;
- Lưu VT, CT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Quý Phương

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 126/GPMT-UBND
ngày 16 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: nước thải từ bồn xí, bồn tiểu sau khi qua bể tự hoại.
- Nguồn số 2: nước thải từ hoạt động rửa tay chân, vệ sinh sàn.
- Nguồn số 3: nước thải từ hoạt động giặt là, vệ sinh dụng cụ y tế.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Mương nước giáp với ranh giới phía Tây của Dự án. Nước thải theo mương nước chảy vào hói Tri A, đoạn qua phường Hương An, thành phố Huế.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: mương nước giáp với ranh giới phía Tây của Dự án. Nước thải theo mương nước chảy vào hói Tri A, đoạn qua phường Hương An, thành phố Huế.

+ Giai đoạn trước mắt: nước thải sau xử lý được xả thải vào mương nước ở phía Tây của Dự án, sau đó thoát vào hói Tri A. Tọa độ vị trí xả thải (theo Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0) như sau: X (m): 1.823.734,62; Y (m): 558.712,16.

+ Giai đoạn lâu dài: khi hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) phía Bắc thành phố được đầu tư, đi vào hoạt động và Dự án thuộc phạm vi thu gom, nước thải từ Dự án sẽ đầu nối vào hệ thống thoát nước trên tuyến đường quy hoạch tiếp giáp phía Tây của Dự án và dẫn về nhà máy XLNT phía Bắc thành phố để xử lý.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $110 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy, xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận bảo đảm đáp

ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (giá trị Cmax, cột A, K=1,2 và hệ số K=1,0 đối với các thông số pH, Tổng coliforms, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) áp dụng kể từ khi Giấy phép môi trường được ban hành đến ngày 31 tháng 12 năm 2031, cụ thể tại bảng sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT (giá trị Cmax, cột A)
1	pH	-	6,5 - 8,5
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36
3	COD	mg/l	60
4	TSS	mg/l	60
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12
10	Tổng coliforms	MPN/100 ml	3.000
11	Salmonella	Vi khuẩn/100 ml	KPH
12	Shigella	Vi khuẩn/100 ml	KPH
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100 ml	KPH

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A), cụ thể tại bảng sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2025/BTNMT (cột A)
1	pH	-	6 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤ 40
3	COD	mg/l	≤ 65
4	TSS	mg/l	≤ 40
5	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 20
6	Tổng Phốt-pho (T-P)	mg/l	≤ 4
7	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	≤ 0,2
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 5
9	Phenol (C ₆ H ₅ OH)	mg/l	≤ 0,1
10	Dầu mỡ khoáng	mg/l	≤ 1
11	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 5
12	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 3
13	Tổng coliforms	MPN/100 ml	≤ 3.000
14	Clo dư	mg/l	≤ 1

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ các bồn xí, bồn tiểu được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, sau đó đưa đến HTXLNT để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động rửa tay chân, vệ sinh sàn được tách rác sơ bộ sau đó đưa đến HTXLNT để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ hoạt động giặt là, vệ sinh dụng cụ y tế tại Nhà chống nhiễm khuẩn được tách rác sơ bộ sau đó chảy về bể gom có kích thước LxBxH (5,4 x 2,6 x 3,5) m để điều hòa pH trước khi chảy về HTXLNT để xử lý.

Toàn bộ lượng nước thải phát sinh được thu gom bằng hệ thống các hố ga được kết nối bằng tuyến ống HDPE D200 và dẫn về HTXLNT để xử lý.

* Thông số kỹ thuật tuyến thu gom nước thải:

- Hố ga thu gom nước thải:

+ Số lượng: 17 hố ga.

+ Kích thước mỗi hố ga: dài x rộng x sâu: (0,7 x 0,7 x 1,0) m.

- Tuyến ống thu gom nước thải HDPE D200:

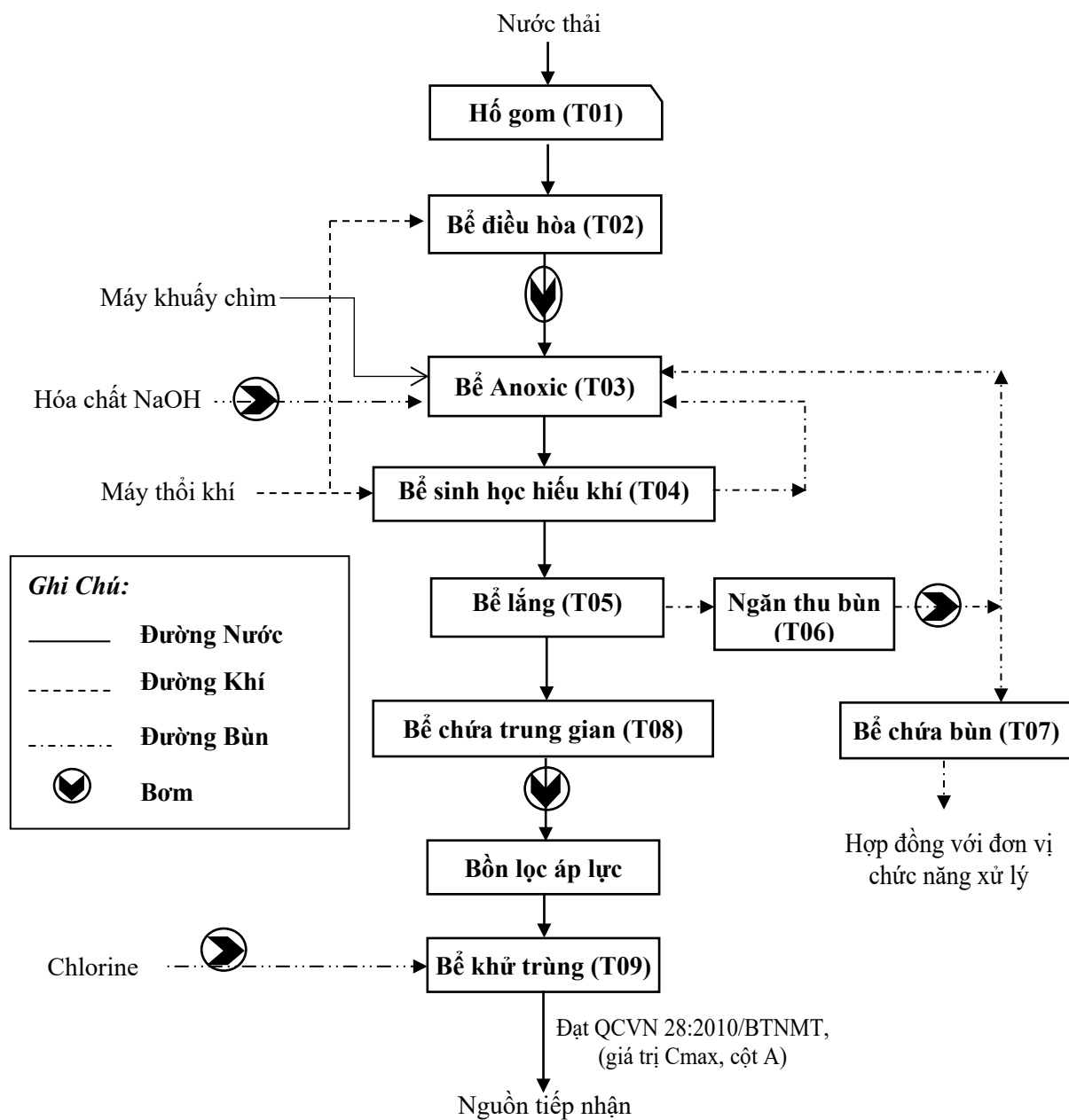
+ Tổng chiều dài: 240 m.

+ Độ dốc của ống: 0,3 %.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Dự án xây dựng HTXLNT công suất 110 m³/ngày.đêm.

- Sơ đồ công nghệ của HTXLNT được trình bày tại hình sau:



- Thông số kỹ thuật các bể xử lý:

Stt	Hạng mục	Kích thước (DxRxH)	Thể tích hiệu dụng (m ³)	Thời gian lưu tối thiểu (giờ)
1	Hố gom	(2,65x0,7x 3,5) m	6,5	1,4
2	Bể điều hòa	(3,65x3,3x3,5) m	42,2	9,2
3	Bể Anoxic	(3,65x2,0x3,5) m	25,6	5,6
4	Bể sinh học hiếu khí	(3,85x3,65x3,5) m	49,2	10,7
5	Bể lắng	(3,65x2,6x3,5) m	33,2	7,2
6	Bể chứa trung gian	(2,1x0,7x3,5) m	5,1	1,1
7	Ngăn thu bùn	(1,4x1,15x3,5) m	5,6	-
8	Bể chứa bùn	(1,4x1,15x3,5) m	5,6	-
9	Bể khử trùng	(2,1x1,65x3,5) m	12,1	2,6

- Danh mục máy móc thiết bị:

Stt	Loại thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Thương hiệu, xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
I	BỂ THU GOM				
1	Bơm nước thải và phụ kiện	Model: 50B2,4	Tsurumi, Nhật Bản	Cái	2
2	Thanh hướng dòng và xích kéo bơm	Inox 304	Việt Nam	Bộ	2
3	Khớp nối nhanh	Model: TOS 3-50	Tsurumi, Việt Nam	Bộ	2
4	Thiết bị đo mức nước và phụ kiện	Model: Mac 3	Ý	Cái	1
5	Lược rác tinh và phụ kiện (bể thu gom)	- Kích thước: 500 x 500 x 800 (mm) - Khe hở lưới tách: 3 (mm) - Vật liệu: Inox 304 - Hàng gia công	Việt Nam	Cái	1
II	BỂ ĐIỀU HOÀ				
1	Lược rác tinh và phụ kiện (bể điều hoà)	- Kích thước: 500 x 500 x 800 (mm) - Khe hở lưới tách: 3 (mm) - Vật liệu: Inox 304 - Hàng gia công	Việt Nam	Cái	1
2	Thiết bị đo mức nước và phụ kiện (bể điều hoà)	Model: Mac 3 - Kiểu: dạng trái bì - Điện áp: 1pha/220V/50Hz - Vật liệu dây: PVC - Chiều dài dây: 5 m	Ý	Cái	1
3	Hệ thống sục khí đáy bể (bể điều hoà)	* Đĩa phân phối khí: - Model: MT235 (9 inch). - Vật liệu màng đĩa: EPDM. - Lưu lượng thiết kế: 2-6 (m ³ /h). - Lưu lượng thổi: 0-10 (m ³ /h). - Diện tích hoạt động bề mặt: 0,0375 m ² - Số lượng: 12 cái. * Ống nhựa UPVC, giá đỡ và phụ kiện.	Đức + Việt Nam	Hệ	1
4	Bơm nước thải và phụ kiện (bể điều hoà)	- Model: 50B2.4- Kiểu bơm: bơm chìm - Lưu lượng: Q = 4,5 (m ³ /giờ) - Cột áp: H = 7,0 m	Tsurumi, Nhật Bản	Cái	2

Stt	Loại thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Thương hiệu, xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
		- Điện áp: 3pha/380V/50Hz- Công suất: 0,4 kW - Đường kính ống ra: DN80 (Ø90)			
5	Khớp nối nhanh xích kéo bơm (bể điều hoà)	Model: TOS 3-50	Tsurumi, Nhật Bản	Bộ	2
6	Thanh hướng dòng và xích kéo bơm (bể điều hoà)	- Bộ thanh dẫn hướng máy khuấy chìm - Vật liệu inox 304 - Kích thước: hộp 50x50 dày 1,5 (mm) + Xích kéo bơm bằng inox 304 dài 5 m	Việt Nam	Bộ	2
7	Thiết bị đo pH	Model: CRN-96pH Đầu dò dài chuẩn: 5 m Thang đo pH: 0-14 pH	Samsan, Hàn Quốc	Bộ	1
8	Bồn hoá chất	Bồn hóa chất 500 lít	Tân Á, Việt Nam	Cái	1
9	Motor giảm tốc	Model: DL SV - 0,37 - 30A Điện áp: 380v/3pha/50Hz Công suất: 0,37 kw Tốc độ: 1/30	Dolin, Đài Loan	Cái	1
10	Giá đỡ + cánh khuấy motor giảm tốc	Cánh khuấy: SUS 304 Giá đỡ: V5 nhúng nóng, sơn chống gỉ	Việt Nam	Bộ	1
11	Bơm định lượng	Model: C-6250HV Lưu lượng: 100 lít/h Điện áp: 45W, 1 pha/220V/50Hz Vật liệu: Thân polypropylene, màng bơm	Blue-white, Hoa Kỳ	Cái	1
III BỂ THIẾU KHÍ					
1	Bơm khuấy chìm (bể thiếu khí)	- Model: MR21NF400 - Lưu lượng khuấy: 0,4 (m ³ /phút) - Công suất: 1,5 kW - Điện áp: 3pha/380V/50Hz	Tsurumi, Nhật Bản	Cái	2
2	Khớp nối nhanh (bể thiếu khí)	- Model: TOK2-65	Tsurumi, Nhật Bản	Bộ	2
3	Thanh hướng dòng và xích	- Bộ thanh dẫn hướng máy khuấy chìm	Việt Nam	Bộ	2

Stt	Loại thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Thương hiệu, xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
	kéo bơm (bể thiếu khí)	- Vật liệu inox 304, hàng gia công - Kích thước: hộp 50x50 dày 1,5 (mm) + Xích kéo bơm bằng inox 304 (dài 5 m)			
IV	BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ				
1	Máy thổi khí và phụ kiện (bể sinh học hiếu khí)	- Model: TSR3-80 - Q = 4,7 (m ³ /min) - H = 4m - Công suất: 5,5 (kW) - Vòng tua: 1.600 (rpm)	Tsurumi, Đài Loan	Cái	2
2	Bơm nội tuần hoàn và phụ kiện (bể sinh học hiếu khí)	- Model: 50B2.4 - Kiểu bơm: bơm chìm - Lưu lượng: Q = 4,5 (m ³ /giờ) - Cột áp: H = 7,0 m - Điện áp: 3pha/380V/50Hz- Công suất: 0,4 kW - Đường kính ống ra: DN80 (Ø90)	Tsurumi, Nhật Bản	Cái	2
3	Khớp nối nhanh xích kéo bơm (bể sinh học hiếu khí)	- Model: TOS 3-50	Tsurumi, Việt Nam	Bộ	2
4	Thanh hướng dòng và xích kéo bơm (bể sinh học hiếu khí)	-Bộ thanh dẫn hướng máy khuấy chìm - Vật liệu inox 304 - Kích thước: hộp 50x50 dày 1,5 (mm) + Xích kéo bơm bằng inox 304 (dài 5 m) - Hàng gia công	Việt Nam	Bộ	2
5	Giá thể lơ lửng MBBR (bể sinh học hiếu khí)	- Kích thước: 10 (mm) - Diện tích hoạt động: 3.000 (m ² /m ³) - Vật liệu: Polyurethane Hydrogel Foam - 1 gói gồm 3 m ³	Nisshinb, Nhật Bản	Hệ	1
6	Hệ thống sục khí đáy bể (bể sinh học hiếu khí)	- Đĩa phân phối khí: MT235 (9 inch), vật liệu màng đĩa: EPDM - Lưu lượng thiết kế: 2-6 (m ³ /h). - Lưu lượng thổi: 0-10 (m ³ /h). - Diện tích hoạt động bề mặt: 0,0375 m ² . - Số lượng: 25 cái. - Ống nhựa UPVC và phụ kiện.	Đức + Việt Nam	Hệ	1

Stt	Loại thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Thương hiệu, xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
7	Lưới chắn ngăn giá thể	Vật liệu: inox 304 Kích thước: DxRxC = 1.500x1.500x3.500 mm Khung lưới: V3 inox dày 2mm	Việt Nam	Bộ	1
V	BỂ LẮNG SINH HỌC				
1	Ống lắng trung tâm và phụ kiện (bể lắng sinh học)	- Kích thước: 1.000 x 30.000 (mm) - Vật liệu: Inox 304, dày 2 (mm) - Hàng gia công	Việt Nam	Hệ	1
2	Máng thu nước răng cưa và phụ kiện (bể lắng sinh học)	- Kích thước: 12.400 x 200 x 200 (mm) - Vật liệu: Inox 304, dày 1 (mm) - Hàng gia công	Việt Nam	Cái	1
3	Tấm chắn chất nổi và phụ kiện (bể lắng sinh học)	- Kích thước: 12.400 x 200 x 200 (mm) - Vật liệu: Inox 304, dày 1 (mm) - Hàng gia công	Việt Nam	Cái	1
4	Bơm nước bùn và phụ kiện (bể lắng sinh học)	- Model: 50B2.4 - Kiểu bơm: bơm chìm - Lưu lượng: Q = 4,5 (m ³ /giờ) - Cột áp: H = 7 m - Điện áp: 3pha/380V/50Hz - Công suất: 0,4kW - Đường kính ống ra: DN80 (Ø90)	Tsurumi, Nhật Bản	Cái	2
5	Khớp nối nhanh xích kéo bơm (bể lắng sinh học)	Model: TOS 3-50	Tsurumi, Việt Nam	Bộ	2
6	Thanh hướng dòng và xích kéo bơm (bể lắng sinh học)	- Bộ thanh dẫn hướng máy khuấy chìm - Vật liệu inox 304 - Kích thước: hộp 50x50 dày 1,5 (mm) + Xích kéo bơm bằng inox 304 dài 5 m - Hàng gia công	Việt Nam	Bộ	2
VI	KHỬ TRÙNG				
1	Bơm định lượng hóa chất và phụ kiện (khử trùng)	- Model: C-6250HV - Lưu lượng: 100 lít/h - Điện áp: 45W, 1pha/220V/50Hz - Vật liệu: thân polypropylene, màng bơm	Teflon Bluewhite, Hoa Kỳ	Cái	1

Stt	Loại thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Thương hiệu, xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
2	Máy khuấy bồn hóa chất (khử trùng)	- Loại: Motor giảm tốc - Kiểu lắp: mặt bích - Động cơ: 0,4 kW, 3pha/380V/50Hz - Tốc độ: 50,0 rpm	Dolin, Đài Loan	Cái	1
3	Bộ giá đỡ máy khuấy hóa chất (khử trùng)	- Thép hộp mạ kẽm, sơn chống gỉ - Thép hộp mạ kẽm kích thước 50x100x2 (mm), sơn chống rỉ (nhân công gia công lắp đặt,...)	Việt Nam	Hệ	1
4	Bồn hóa chất và phụ kiện (khử trùng)	- Nhựa PVC - Thể tích: 1.000 lít	Tân Á, Việt Nam	Cái	1
VII	HỆ LỌC ÁP LỰC				
1	Lắp Bồn lọc áp lực (hệ lọc áp lực)	- Model: 4872 - Kích thước: 1,2x1,8 (m) - Vật liệu: composite	Aqua, Trung Quốc	Cái	1
2	Vật liệu lọc (hệ lọc áp lực)	- Cát lọc: kích thước: d = 0,8-1,2 (mm) - Than hoạt tính: kích thước: d = 1,5-3,5 (mm) - Sỏi đỡ: kích thước: d = 5-10 (mm) - Khối lượng từng cái: 0,2 m ³	Việt Nam	Hệ	1
3	Bơm lọc, rửa lọc và phụ kiện (hệ lọc áp lực)	- Model: MBT-300 - Kiểu bơm: bơm ly tâm trục ngang - Lưu lượng: Q = 9 (m ³ /giờ) - Cột áp: H = 25 m - Điện áp: 3pha/380V/50Hz - Công suất: 2,25 kW B47	Pentax, Ý	Cái	3
4	Đồng hồ đo lưu lượng nước sau xử lý và phụ kiện	- Đường kính: DN80 (Ø90) - Kiểu kết nối: mặt bích	P-MAX, Đài Loan	Cái	1
5	Thiết bị đo mức nước và phụ kiện (lắp đặt tại bồn hóa chất, bể trung gian)	- Model: Mac 3 - Kiểu: dạng trái bì - Điện áp: 1pha/220V/50Hz - Vật liệu dây: PVC - Chiều dài dây: 5 m	Mac 3, Ý	Cái	1

Stt	Loại thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Thương hiệu, xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
VIII HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN					
1	Tủ điện điều khiển HTXLNT và phụ kiện (hệ thống điều khiển)	- Vỏ tủ sơn tĩnh điện, dày 1,2 (mm) - Tủ bao, 1 lớp cửa - Điều khiển tự động (phần mềm cài đặt sẵn) - Thiết bị bảo vệ động cơ quá nhiệt, quá tải - Đồng hồ đo đếm, bảo vệ mất pha - Các Phụ kiện kèm theo khác	Lắp ráp tại Việt Nam; Phụ kiện của Việt Nam, Đài Loan, Trung Quốc, Châu Á	Tủ	1

- Hóa chất sử dụng:

Stt	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Chlorine	Kg/ngày	0,5	Khử trùng nước thải
2	NaOH	Kg/ngày	10	Ổn định dòng nước thải
3	Methanol	Lít/ngày	12 - 15	Bổ sung trong trường hợp lưu lượng nước thải xử lý thấp dưới 50% công suất tối đa của HTXLNT

1.3. Công trình thoát nước thải

Nước thải sau xử lý tại HTXLNT sẽ theo tuyến ống uPVC D114 (dài khoảng 80 m) xả vào mương nước ở phía Tây của Dự án, sau đó chảy vào hới Tri A, đoạn qua phường Hương An, thành phố Huế.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

* Biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động liên tục.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi các hiện tượng nứt vỡ, rò rỉ hệ thống đường ống dẫn nước thải để kịp thời phát hiện sự cố và có biện pháp xử lý thích hợp, tránh gây ô nhiễm môi trường đất và nước dưới đất xung quanh.

- Lập sổ nhật ký vận hành để theo dõi hoạt động của hệ thống và những bất thường của hệ thống trong quá trình hoạt động.

* Biện pháp ứng phó với sự cố:

- Thông báo và ngừng toàn bộ hoạt động phát sinh nước thải.

- Di dời hóa chất đến nơi cao ráo tránh ngập lụt để giảm thiệt hại.
- Tiến hành công tác bảo lưu toàn bộ nước thải tại các bể xử lý.
- Trường hợp toàn bộ HTXLNT bị ngập, phải tiến hành ngay việc ngắt điện cung cấp cho HTXLNT.
- Thực hiện phương án vận hành lại HTXLNT sau thời điểm gặp sự cố, đảm bảo đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải: không quá 06 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình xử lý nước thải.
- Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý công trình xử lý chất thải:

Stt	Vị trí quan trắc	Thông số	Tần suất	Loại mẫu	QCVN so sánh
1	Nước thải đầu vào của HTXLNT	Lưu lượng; pH; BOD ₅ (20°C); COD; TSS; Sunfua (tính theo H ₂ S); Amoni (tính theo N); Nitrat (tính theo N); Phosphat (tính theo P); Dầu mỡ động thực vật; Tổng coliforms; Salmonella; Shigella; Vibrio cholerae	01 đợt	Mẫu đơn	QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế (giá trị C _{max} , cột A, K=1,2; đối với các thông số pH, Tổng Coliform, Salmonella, Shigella và Vibrio cholerae, K=1,0)
2	Nước thải sau xử lý của HTXLNT		03 đợt/03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đặc vào ngày tiếp theo)		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi,

bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025).

3.3. Chủ dự án chịu trách nhiệm hoàn toàn nếu xả nước thải ra môi trường chưa đáp ứng quy định về xả thải.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 126/GPMT-UBND
ngày 16 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép về khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI PHÁT SINH TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh các tuyến đường trong khu vực để hạn chế phát tán bụi.
- Bố trí khu đỗ xe một cách hợp lý đảm bảo thuận lợi xe ra vào, hạn chế được ảnh hưởng bởi bụi, mùi hôi, tiếng ồn đến bệnh nhân và đảm bảo mỹ quan cho khu vực.
- Nạo vét cặn lắng, bùn thải định kỳ tại các mương thu gom, thoát nước mưa và nước thải.
- Các nhà vệ sinh được dọn dẹp sạch sẽ thường xuyên tránh gây mùi hôi, hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý bùn thải từ nhà vệ sinh.
- Tiến hành vệ sinh sạch sẽ các phòng chuyên môn và phòng tiêm chủng với tần suất 02 lần/ngày.
- Phòng lưu giữ chất thải y tế được xây dựng đảm bảo khép kín, hạn chế tối đa mùi ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh.
- HTXLNT được xây dựng ngầm và kín có nắp đậy, vị trí tách biệt và đảm bảo khoảng cách để hạn chế tác động của mùi đến môi trường và con người; hệ bùn vi sinh được nuôi cấy trong các công trình xử lý sinh học là các chủng men vi sinh có xuất xứ từ Hoa Kỳ (Men vi sinh Microbe-Lift IND, Microbe-Lift N1); các chủng vi sinh này có hiệu quả xử lý vượt trội với Amoniac và giảm lượng bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý từ đó giảm thiểu mùi.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 126/GPMT-UBND
ngày 16 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh: từ hoạt động nhân viên và khách đến làm việc và hoạt động của máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: trong phạm vi hoạt động của Dự án được giới hạn bởi các mốc ranh giới như sau (theo Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiều 3⁰):

Điểm	Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trục 107 ⁰ , múi chiều 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
M1	1.823.817,28	558.668,71
M2	1.823.851,91	558.799,25
M3	1.823.713,14	558.837,79
M4	1.823.707,15	558.834,27
M5	1.823.684,61	558.740,48
M6	1.823.686,88	558.735,52

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau

3.1. Tiếng ồn

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Giá trị giới hạn như sau:

Stt	Khu vực bị ảnh hưởng	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Khu vực đặc biệt	55	45	Theo yêu cầu của Chủ dự án và giám sát khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền

3.2. Độ rung

Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Giá trị giới hạn như sau:

Stt	Khu vực bị ảnh hưởng	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Khu vực đặc biệt	60	55	Theo yêu cầu của Chủ dự án và giám sát khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền

- Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Phân luồng giao thông hợp lý để tránh sự tập trung của các phương tiện giao thông.

- Máy móc, thiết bị y tế: bảo dưỡng định kỳ theo đúng quy định với từng loại thiết bị y tế. Kiểm tra độ mòn của chi tiết định kỳ và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay thế những chi tiết hư hỏng.

- Bố trí thiết bị tiêu âm phù hợp sử dụng trong hệ thống thông gió tại nhà điều hành HTXLNT để giảm thiểu âm thanh phát ra từ các máy móc, thiết bị và giảm được ảnh hưởng do tiếng ồn từ các hoạt động bên ngoài.

- Định kỳ tiến hành hiệu chuẩn các máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn và độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 126/GPMT-UBND
ngày 16 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Trong quá trình hoạt động, Dự án có thể phát sinh các loại chất thải nguy hại (CTNH) với chủng loại và khối lượng ước tính như sau:

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	Rắn/lỏng	840
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	20
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	30
4	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 0 1 09	Rắn/lỏng	20
5	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	13 03 02	Rắn	10
6	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	Rắn/lỏng	10
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý hóa-lý của HTXLNT	12 02 02	Bùn	2.300
Tổng cộng		-	-	3.230

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

Trong quá trình hoạt động, Dự án có thể phát sinh các loại chất thải rắn (CTR) thông thường với chủng loại và khối lượng ước tính như sau:

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
A	CTR thông thường sử dụng để tái chế			380
I	Chất thải là vật liệu giấy			
1	Giấy, báo, bìa, thùng các-tông, vỏ hộp thuốc và các vật liệu giấy	18 01 05	Rắn	100
II	Chất thải là vật liệu nhựa			
1	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	Rắn	100
2	Bao bì (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải bằng vật liệu khác (như composite)	18 01 11	Rắn	50
III	Chất thải là vật liệu kim loại, thủy tinh			
1	Bao bì kim loại (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH và không có lớp lót nguy hại như amiang) thải	18 01 08	Rắn	50
2	Bao bì thủy tinh (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 09	Rắn	80
B	CTR thông thường không sử dụng để tái chế			16.100
1	Chất thải sinh hoạt của nhân, khách đến làm việc	-	-	16.000
2	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm	13 01 05	Rắn	100
Tổng cộng				16.480

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Bố trí khu vực lưu giữ CTNH (diện tích 20 m²) tại kho chất thải y tế của Dự án.

- Khu vực lưu giữ CTNH được xây dựng đảm bảo theo quy định tại Phụ lục số 03, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên dự án y tế, cụ thể như sau:

+ Bố trí 06 thùng chứa trong đó: 05 thùng bằng nhựa HDPE màu đen (thể tích 120 lít/thùng) có dán nhãn phân biệt, mã cảnh báo để lưu giữ CTNH không lây nhiễm và 01 thùng HDPE màu vàng (thể tích 120 lít/thùng) có dán nhãn phân biệt, mã cảnh báo để lưu giữ CTNH lây nhiễm.

+ Khu vực lưu giữ CTNH có lắp đặt biển cảnh báo; có tường che chắn bằng vật liệu bê tông cốt thép; nền lát gạch chống thấm, được nâng lên cao hơn so với địa hình xung quanh và xây gờ xung quanh nên đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, không bị chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ.

+ Trong khu vực lưu giữ CTNH, tiến hành phân chia khu vực, bố trí thiết bị lưu giữ, dán nhãn phân biệt, mã số CTNH, biểu tượng theo quy định, dễ nhận biết đối với CTNH lây nhiễm và CTNH không lây nhiễm. Bố trí 01 tủ lạnh để bảo quản CTNH có nguy cơ lây nhiễm.

+ Bố trí vật liệu hấp thụ bao gồm: 01 thùng cát khô, 01 thùng mùn cưa và 01 xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, đổ tràn CTNH ở dạng lỏng.

+ Bố trí 01 bình chữa cháy tại chỗ nhằm đảm bảo theo quy định của pháp luật về PCCC.

+ Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải được vệ sinh sạch sẽ và khử khuẩn thường xuyên.

+ Bố trí vòi nước, dung dịch vệ sinh, khử khuẩn.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý CTNH theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn

Dự án sử dụng bao bì phân loại chất thải tuân thủ theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

- CTR thông thường sử dụng để tái chế: bố trí 10 thùng bằng nhựa HDPE màu trắng (thể tích 25 lít/thùng) và có lót túi, nắp đậy kín và dán nhãn phân biệt tại các phòng điều trị, dọc hành lang.

- CTR thông thường không sử dụng để tái chế: bố trí 15 thùng bằng nhựa HDPE màu xanh lá (thể tích 25 lít/thùng), nắp đậy kín và dán nhãn phân biệt để dọc hành lang, tuyến đường nội bộ. Chất thải sắc nhọn đựng trong dụng cụ kháng trùng.

- CTR thông thường được thu gom và vận chuyển đến kho chất thải y tế của Dự án tại nhà kho chuyên dụng, tại đây bố trí riêng một khu vực (diện tích 20 m²) để lưu giữ CTR thông thường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý CTR thông thường theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố cháy nổ

- Xây dựng, lắp đặt hệ thống PCCC, hệ thống báo cháy tự động cho Dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về PCCC.
- Phối hợp với các cơ quan hữu quan để tập huấn công tác PCCC cho toàn bộ nhân viên của Dự án, đảm bảo tất cả mọi người đều có thể thực hiện việc PCCC ngay khi có sự cố xảy ra.
- Xây dựng các phương án, nội quy an toàn PCCC và phổ biến đến nhân viên, khách hàng.

2. Sự cố về tai nạn lao động

- Thành lập bộ phận an toàn lao động và cử người chuyên trách về xây dựng ban hành và yêu cầu nhân viên thực hiện nghiêm túc các nội quy lao động, nội quy về trang bị bảo hộ lao động, nội quy về an toàn điện, an toàn cháy nổ,...
- Tổ chức huấn luyện, giáo dục về công tác an toàn vệ sinh lao động cho nhân viên của Dự án.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các nội quy kỷ luật lao động, an toàn vệ sinh lao động, các quy trình quy phạm. Kiên quyết đình chỉ công việc của nhân viên thiếu ý thức chấp hành hoặc vi phạm nội quy kỷ luật.
- Thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động về công tác bảo hộ lao động. Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cho nhân viên.
- Giám sát môi trường lao động định kỳ và khám sức khỏe định kỳ để phát hiện sớm các bệnh nghề nghiệp và các bệnh truyền nhiễm cho người lao động.

3. Sự cố về tai nạn giao thông

- Quy định giới hạn tốc độ các phương tiện khi ra vào Dự án.
- Điều tiết các phương tiện giao thông ra vào Dự án hợp lý, tránh trường hợp ra vào cùng một thời điểm gây ách tắc giao thông.
- Tuyên truyền cho nhân viên ý thức bảo đảm an toàn giao thông khi lưu thông.

4. Sự cố do dịch bệnh, an toàn thực phẩm

- Triển khai đồng bộ các biện pháp phòng và kiểm soát lây nhiễm dịch bệnh tại Dự án để không trở thành nơi lây nhiễm dịch bệnh và làm giảm nguy cơ lây nhiễm chéo các bệnh nhiễm trùng khác.
- Thực hiện sàng lọc và kiểm tra y tế hoạt động 24/7 ở tất cả các cổng vào của Dự án, áp dụng cho mọi người khi đến, đảm bảo mỗi người đều phải mang khẩu trang, đo thân nhiệt, vệ sinh tay và thực hiện tờ khai y tế, đánh dấu nhận

diện người đã qua sàng lọc.

- Chuyển ngay người bệnh vào khu cách ly nếu có dấu hiệu nghi ngờ mắc hoặc có yếu tố dịch tễ liên quan đến dịch bệnh, thực hiện lấy mẫu xét nghiệm và chuyển mẫu đến bệnh viện được phép thực hiện xét nghiệm. Bố trí mỗi người bệnh một buồng riêng trong khi chờ kết quả xét nghiệm, nếu kết quả dương tính, chuyển người bệnh đến khu vực điều trị riêng. Tiến hành khử khuẩn và vệ sinh buồng bệnh ngay khi người bệnh rời khỏi khu cách ly.

- Thực hiện giãn cách tại các khu vực thường tập trung đông người trong Dự án, có biện pháp tác động để duy trì giữ khoảng cách tối thiểu (1m). Đảm bảo môi trường thoáng khí ở các khu vực.

5. Sự cố về thiên tai, ngập úng cục bộ

- Thành lập đội phòng chống bão lụt, đội ứng cứu, cứu hộ tại chỗ, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phòng chống, ứng cứu khi có sự cố bão lụt xảy ra.

- Tổ chức diễn tập, xây dựng phương án phòng chống bão lũ.

- Hướng dẫn sơ tán nhanh chóng, an toàn ra khỏi vùng nguy hiểm khi có thiên tai, bão lụt,... xảy ra.

- Có phương án bố trí máy móc thiết bị có giá trị ở tầng cao để tránh hư hỏng trong trường hợp xảy ra ngập lụt.

6. Sự cố rò rỉ hóa chất

- Lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố.

- Trang bị các thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố.

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, áp dụng các biện pháp an toàn.

- Lập biên bản ghi lại nội dung sự cố, nguồn gốc phát sinh sự cố, những vấn đề nguy hiểm có thể xảy ra.

- Điều tra sự việc, xác định và thực hiện các hành động khắc phục hậu quả để ngăn ngừa các sự cố tương tự xảy ra trong tương lai.

- Bổ sung các lưu ý về vấn đề an toàn, giám sát y tế nếu cần thiết.

- Các khu vực bị ô nhiễm phải được làm sạch và khử trùng nếu cần thiết.

- Hạn chế tối đa sự tiếp xúc của nhân viên trong quá trình làm sạch.

- Hạn chế tối đa sự tác động của sự cố đến bệnh nhân, nhân viên và môi trường.

7. Sự cố tại hệ thống thu gom nước thải

- Định kỳ 01 tháng/lần kiểm tra tình trạng máy móc thiết bị; thu gom rác tại các lưới, song chắn rác tránh trường hợp tắt nghẽn làm nước không lưu thông

được về HTXLNT.

- Định kỳ 01 tháng/lần kiểm tra, theo dõi đường ống dẫn nước thải để kịp thời phát hiện sự cố và có biện pháp xử lý thích hợp, tránh gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

- Lắp đặt các gioăng cao su tại nắp các hố ga, cửa thu và hố kiểm tra để giảm thiểu mùi phát sinh trong hệ thống thu gom nước thải.

- Vào trước mùa mưa lũ, tiến hành nạo vét, khơi thông toàn bộ hệ thống thoát nước để tăng khả năng thoát nước vào mùa mưa lũ.

- Mỗi khi có mưa lớn, kiểm tra các hố ga bị ngập để khơi thông dòng chảy, thu gom các chất thải làm tắt hệ thống cống thoát.

- Thường xuyên cập nhật tình hình thời tiết để kịp thời di chuyển máy móc thiết bị và hóa chất để tránh mưa lũ cuốn trôi.

- Trường hợp mưa lụt thất thường, yêu cầu đơn vị vận hành dừng hoạt động của hệ thống để đảm bảo an toàn cho hệ thống và khởi động lại hệ thống khi mực nước lũ rút xuống

- Thực hiện phương án ứng phó sự cố chất thải theo quy định.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 126/GPMT-UBND
ngày 16 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Theo Quyết định số 2903/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2022 của UBND thành phố Huế về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế), các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt mà Chủ dự án tiếp tục thực hiện, bao gồm:

- Các hạng mục công trình chính:

+ Xây dựng mới khu khám bệnh đa khoa, khối labo xét nghiệm và nghiên cứu vắc-xin theo tiêu chuẩn với tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 6.143 m².

+ Xây dựng các hạng mục phụ trợ phục vụ công trình còn lại theo quy hoạch mặt bằng tổng thể gồm: công, hàng rào bao quanh khu đất, cầu nổi, sân đường nội bộ, bồn hoa, nhà thường trực bảo vệ, cây xanh và hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải, khí thải, PCCC theo tiêu chuẩn.

- Mua sắm, lắp đặt các thiết bị gắn với công trình cho giai đoạn 2, thiết bị PCCC, mua sắm mới thiết bị y tế chuyên ngành, thiết bị làm việc văn phòng theo tiêu chuẩn.

- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

+ Thu gom và xử lý nước thải: để giảm thiểu các tác động của nước thải, Chủ dự án sẽ triển khai xây dựng hoàn thiện các hạng mục: hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom nước thải, đảm bảo kết nối với các công trình hiện của giai đoạn 1 đã xây dựng, cụ thể:

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa: đầu tư hệ thống thu gom nước mưa xung quanh các khối nhà còn lại bằng các rãnh thoát nước B400 và đầu nối vào hệ thống thu gom nước mưa đã xây dựng ở giai đoạn 1 (ống LT D400).

- Hệ thống thu gom nước thải: đầu tư hệ thống thu gom nước thải xung quanh các khối nhà còn lại bằng đường ống HPDE D200 và đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải đã xây dựng ở giai đoạn 1.

+ Thu gom và xử lý bụi và khí thải:

- Tại phòng xét nghiệm, nuôi cấy vi sinh đảm bảo quy định của phòng thí nghiệm (phòng Lab) theo quy định. Phòng kỹ thuật nghiệp vụ, phòng chức năng chuyên sâu cũng được lắp đặt máy điều hòa cục bộ. Tại các phòng khám được quét dọn vệ sinh bằng các dung dịch khử trùng định kỳ 2 lần/ngày.
- Hệ thống thông hơi, thông gió trong các phòng làm việc sử dụng cả 02 giải pháp thông gió tự nhiên và thông gió cưỡng bức. Các phòng khám, điều trị, chẩn đoán có hệ thống cửa sổ, hệ thống thông khí đồng bộ và được thiết kế đảm bảo số lần trao đổi không khí tự nhiên và nhân tạo theo các tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành.
- Đối với các phòng thí nghiệm sinh hóa, phòng xét nghiệm, kho hóa chất, được phẩm của Trung tâm được lắp đặt hệ thống thông khí và xử lý khí thải.
- Tại các khoa, phòng khám và điều trị: nhân viên vệ sinh làm vệ sinh, lau chùi sàn nhà định kỳ 2 lần/ngày (vào 7 giờ 00' và 14 giờ 00').
- Dụng cụ, vật tư y tế được khử khuẩn, tiệt khuẩn theo đúng quy định của Bộ Y tế.
- Thành lập đội vệ sinh môi trường chung có chức năng quản lý, duy tu bảo dưỡng và vận hành các công trình bảo vệ môi trường.
- Máy phát điện sẽ được đặt ống khói theo đúng yêu cầu của nhà sản xuất. Trang bị các vật dụng cá nhân cho công nhân vận hành.

2. Tiếp tục thực hiện các công trình, biện pháp quản lý CTR, CTNH, nước thải, khí thải, tiếng ồn và sự cố môi trường trong quá trình xây dựng các hạng mục còn lại của Dự án theo Quyết định số 2903/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2022 của UBND thành phố Huế về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế).

D. YÊU CẦU KHÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị thành phố Huế chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo

vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025).

3. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.